

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG LẤY Ý KIẾN PHẢN HỒI CỦA NGƯỜI HỌC
VỀ HOẠT ĐỘNG GIẢNG DẠY CỦA GIÁNG VIÊN HỌC KỲ II NĂM HỌC 2012-2013

I. Mục đích, ý nghĩa

+ *Góp phần thực hiện Quy chế dân chủ trong cơ sở giáo dục đại học;*
+ *Góp phần nâng cao tinh thần trách nhiệm của giảng viên trong việc thực hiện mục tiêu đào tạo của cơ sở giáo dục đại học, xây dựng đội ngũ giảng viên có phẩm chất đạo đức, lương tâm nghề nghiệp và trình độ chuyên môn cao, phong cách giảng dạy tiên tiến, hiện đại; tăng cường tinh thần trách nhiệm của người học với quyền lợi, nghĩa vụ học tập, rèn luyện của bản thân; từ đó góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của cơ sở giáo dục đại học;*

+ *Tạo thêm một kênh thông tin để :*

- Giúp giảng viên có thể tự điều chỉnh hoạt động giảng dạy;
- Góp phần thực hiện công tác kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học;
- Giúp cán bộ quản lý trong các cơ sở giáo dục đại học có thêm cơ sở nhận xét, đánh giá giảng viên;

- Góp phần phòng ngừa những tiêu cực trong hoạt động giảng dạy ở cơ sở giáo dục đại học; phát hiện và nhân rộng những điển hình tốt trong đội ngũ giảng viên.

+ *Tăng cường tinh thần trách nhiệm của người học với quyền lợi, nghĩa vụ học tập, rèn luyện của bản thân; tạo điều kiện để người học được phản ánh tâm tư, nguyện vọng, được thể hiện chính kiến về hoạt động giảng dạy của giảng viên.*

II. Phương pháp triển khai

- Căn cứ kế hoạch số 169/KH-ĐHKH-TTKT&ĐBCLGD ngày 29/3/2013 của Hiệu trưởng trường ĐHKH;

- Hoạt động lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên được triển khai tới tất cả sinh viên hệ chính quy đang học tập tại Nhà trường ở tất cả các khóa học (Khóa 7, Khóa 8, Khóa 9 và Khóa 10) và toàn thể cán bộ giảng viên đang tham gia giảng dạy tại Nhà trường.

- Phương pháp nghiên cứu định lượng được sử dụng nhằm thu thập thông tin với bảng hỏi được thiết kế sẵn theo cấu trúc nhất định.

III. Công cụ điều tra khảo sát

3.1. Công cụ điều tra, khảo sát

Công cụ khảo sát trung cầu ý kiến của sinh viên về hoạt động giảng dạy của giảng viên là mẫu phiếu điều tra được thiết kế sẵn dựa trên cơ sở tham khảo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng của Bộ GD&ĐT đảm bảo tính giá trị và độ tin cậy của các thông tin thu thập, cũng như tính logic của phiếu hỏi.

Nội dung phiếu hỏi bao gồm:

1. Thông tin chung: Lớp, Khoa, Ngành đào tạo, Giảng viên được đánh giá, Môn học.
2. Các tiêu chí đo lường: được đánh giá theo thang đo 5 mức gồm: *1: Không đáp ứng yêu cầu; 2: Đáp ứng một phần yêu cầu; 3: Đáp ứng yêu cầu; 4: Đáp ứng tốt yêu cầu; 5: Đáp ứng rất tốt yêu cầu.*

Thông tin khảo sát trên phiếu điều tra, gồm:

- Đánh giá quá trình tổ chức thực hiện gồm các tiêu chí đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên trên lớp.
- Quá trình giảng dạy của giảng viên gồm các tiêu chí liên quan đến mức độ đáp ứng về nội dung, kiến thức, phương pháp giảng dạy, khuyến khích sinh viên học tập...
- Tổ chức kiểm tra, đánh giá quá trình học tập của sinh viên.

3.2. Công cụ phân tích

Sau khi thu thập thông tin, phiếu trưng cầu ý kiến với đầy đủ thông tin được cán bộ xử lý và lựa chọn. Phần mềm SPSS được sử dụng để thống kê và phân tích ý kiến phản hồi của người học. Các ý kiến phản hồi của người học được tổng hợp và khái quát cụ thể để từ đó đưa ra những khuyến nghị góp phần điều chỉnh hoạt động giảng dạy của giảng viên, nâng cao tinh thần, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ giảng viên, đồng thời là căn cứ để giảng viên đổi mới phương pháp giảng dạy.

IV. Kết quả điều tra khảo sát

4.1. Thông tin chung

Tổng số ý kiến phản hồi của sinh viên: 4.603; số giảng viên được đánh giá: 64; số môn học được đánh giá: 65.

Tổng số ý kiến phản hồi của sinh viên Khoa Toán Tin: 814 chiếm 17,68%; Khoa Vật lý và Công nghệ: 234 chiếm 5,08%; Khoa Hóa học: 175 chiếm 3,8%; Khoa Khoa học sự sống: 1109 chiếm 24,09%; Khoa Văn Xã hội: 759 chiếm 16,49%; Bộ môn Lịch Sử: 238 chiếm 5,17%; Khoa KHMT&TĐ: 696 chiếm 15,12%; Khoa Khoa học cơ bản: 578 chiếm 12,56%.

4.2. Kết quả điều tra khảo sát

4.2.1. Kết quả đánh giá chung

Dựa trên các tiêu chí đánh giá có liên quan đến hoạt động tổ chức giảng dạy, hoạt động giảng dạy và kiểm tra đánh giá. Với thang điểm thấp nhất là 1 và cao nhất là 5, thang đo mức 3 được xem là đáp ứng yêu cầu của người học. Kết quả đánh giá được thể hiện như sau:

Bảng 1. Tổng hợp kết quả phản hồi chung của sinh viên về hoạt động giảng dạy

		To chuc thuc hien	Qua trinh giang day	Kiem tra danh gia	Danh gia chung
N	Valid	4603	4603	4603	4603
	Missing	0	0	0	0
Mean		4.3855	4.2199	4.2584	4.2879

Kết quả phản hồi chung từ 4.603 sinh viên về hoạt động giảng dạy được đánh giá đáp ứng tốt yêu cầu (giá trị trung bình là 4,2879). Giá trị đạt được từ ba hoạt động gần với giá trị đánh giá chung, điều này cho thấy sinh viên hài lòng với chất lượng giảng dạy của đội ngũ giảng viên.

Ý kiến phản hồi cụ thể của sinh viên từng Khoa/Bộ môn đối với hoạt động giảng dạy của giảng viên. Kết quả phản hồi cho thấy, nhìn chung sinh viên đều đánh giá hoạt động giảng dạy của đội ngũ giảng viên đáp ứng tốt yêu cầu (mức thang đo 4).

Bảng 2. Tổng hợp kết quả phản hồi của sinh viên phân theo từng Khoa/Bộ môn

Chỉ tiêu đánh giá	Tổ chức thực hiện	Quá trình giảng dạy	Kiểm tra đánh giá	Đánh giá chung
Khoa Toán Tin	4.39	4.16	4.20	4.25
Khoa Vật lý & CN	4.41	4.13	4.20	4.24
Khoa Hóa học	4.70	4.54	4.60	4.61
Khoa KHSS	4.50	4.39	4.42	4.44
Khoa Văn XH	4.08	3.96	3.98	4.01
BM Lịch sử	4.19	4.10	4.17	4.15
Khoa KHMT&TĐ	4.51	4.27	4.29	4.36
Khoa KHCB	4.37	4.24	4.31	4.31

Với kết quả thu thập được từ phía người học về hoạt động giảng dạy của đội ngũ giảng viên cho thấy, đội ngũ giảng viên đã đáp ứng tốt yêu cầu. Mức độ chênh lệch từ phía đánh giá của người học phân chia theo từng Khoa/Bộ môn không có sự chênh lệch nhiều (giá trị trung bình đều đạt ở mức thang đo 4).

4.2.2. Kết quả cụ thể:

+ Hoạt động 1: Tổ chức thực hiện (6 tiêu chí)

Hoạt động Tổ chức thực hiện được đánh giá qua 6 tiêu chí bao gồm các tiêu chí về việc thực hiện giờ lên lớp, việc phân bổ và sử dụng thời gian, việc thực hiện kế hoạch cũng như cung cấp tài liệu cho SV... Ý kiến phản hồi chung của sinh viên về hoạt động tổ chức giảng dạy của đội ngũ giảng viên nằm ở mức thang đo 4 (đáp ứng tốt yêu cầu).

Bảng 3. Tổng hợp phản hồi của sinh viên về hoạt động 1

Chỉ tiêu đánh giá	Khoa Toán Tin	Khoa Vật lý & CN	Khoa Hóa học	Khoa KHSS	Khoa Văn XH	BM Lịch sử	Khoa KHMT & TĐ	Khoa KHCB	Đánh giá chung
Giảng viên thực hiện nghiêm túc giờ lên lớp	4.55	4.60	4.76	4.57	4.16	4.26	4.64	4.38	4.49
Giảng viên phân bổ và sử dụng thời gian trên lớp một cách hợp lý và hiệu quả	4.38	4.30	4.69	4.43	3.99	4.09	4.38	4.29	4.32
Giảng viên giảng dạy đủ số giờ quy định	4.56	4.56	4.75	4.56	4.22	4.21	4.65	4.50	4.50
Kế hoạch giảng dạy được giảng viên thực hiện theo đúng lịch trình đã công bố	4.42	4.42	4.73	4.52	4.15	4.13	4.55	4.46	4.42
Mục tiêu và nội dung của môn học được giảng viên thông báo trước khi học	4.20	4.29	4.62	4.41	3.99	4.17	4.41	4.32	4.30
Tài liệu của môn học được giảng viên giới thiệu đầy đủ, giúp người học mở rộng kiến thức và hiểu rõ về môn học	4.23	4.27	4.65	4.53	4.00	4.28	4.46	4.28	4.34

+ Hoạt động 2: Quá trình giảng dạy (11 tiêu chí)

Quá trình giảng dạy của giảng viên là quá trình giao tiếp giữa giảng viên và sinh viên, với vai trò là người trung gian giữa kiến thức và sinh viên, chuyển tải kiến thức và dẫn dắt sinh viên ứng dụng kiến thức trong thực tế. Vì vậy, quá trình dạy – học được thực hiện trên cơ sở lấy người học làm trung tâm. Kết quả đánh giá của sinh viên về hoạt động giảng dạy của giảng viên thể hiện dưới bảng sau:

Bảng 4. Tổng hợp phản hồi của sinh viên về hoạt động 2

Chỉ tiêu đánh giá	Khoa Toán Tin	Khoa Vật lý &CN	Khoa Hóa học	Khoa KHSS	Khoa Văn XH	BM Lịch sử	Khoa KHMT &ĐT	Khoa KHCB	Đánh giá chung
Khối lượng kiến thức môn học được giảng viên truyền tải đầy đủ theo đề cương môn học	4.36	4.27	4.69	4.43	3.99	4.13	4.32	4.34	4.31
Giảng viên có liên hệ bài học với thực tế	4.08	4.13	4.46	4.40	4.08	4.29	4.35	4.20	4.25
Các giờ thực hành/bài tập thực hành được phân bố hợp lý với nội dung của môn học	4.20	4.17	4.47	4.38	3.88	3.90	4.25	4.23	4.19
Giảng viên cung cấp thêm nhiều kiến thức mở rộng có liên quan đến chương trình học	4.00	3.98	4.48	4.34	3.94	4.18	4.16	4.17	4.16
Cách truyền tải nội dung và giảng giải của giảng viên rõ ràng dễ hiểu	4.16	4.09	4.51	4.29	3.90	4.16	4.12	4.22	4.18
Phương pháp nêu vấn đề, khuyến khích tư duy phê phán và sáng tạo của sinh viên luôn được giảng viên áp dụng trong quá trình giảng dạy	3.99	3.95	4.38	4.29	3.81	4.04	4.11	4.10	4.08
Giảng viên chú trọng phát triển kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm cho sinh viên trong giờ học	3.77	3.84	4.30	4.21	3.80	3.78	4.18	4.03	3.99
Việc tổ chức và kiểm soát lớp học luôn được giảng viên thực hiện	4.30	4.15	4.56	4.41	3.96	4.21	4.27	4.32	4.27
Giảng viên sử dụng hiệu quả các phương tiện dạy học	4.21	4.09	4.61	4.44	4.00	3.87	4.30	4.26	4.22
Giảng viên sẵn sàng giúp đỡ sinh viên giải quyết khó khăn trong môn học	4.35	4.29	4.74	4.50	4.07	4.18	4.41	4.36	4.36
Giảng viên luôn tôn trọng và lắng nghe ý kiến của sinh viên	4.37	4.40	4.74	4.58	4.18	4.38	4.52	4.41	4.45

Nhìn chung, sinh viên phản hồi về hoạt động giảng dạy của giảng viên là đáp ứng tốt yêu cầu. Tuy nhiên, sinh viên của nhiều Khoa chỉ đánh giá trên mức đạt yêu cầu (mức 3) đối với hai tiêu chí “*Giảng viên chú trọng phát triển kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm cho sinh viên trong giờ học*” và “*Phương pháp nêu vấn đề, khuyến khích tư duy phê phán và sáng tạo của sinh viên luôn được giảng viên áp dụng trong quá trình giảng dạy*”. Đây là hai tiêu chí có giá trị đánh giá thấp nhất trong 11 tiêu chí đánh giá quá trình giảng dạy.

+ Hoạt động 3: Kiểm tra, đánh giá (3 tiêu chí)

Hoạt động kiểm tra, đánh giá nhằm đánh giá quá trình lĩnh hội kiến thức của sinh viên khi kết thúc môn học và kết thúc quá trình đào tạo, đảm bảo mục tiêu từng giai đoạn của chương trình đào tạo và đáp ứng yêu cầu của mục tiêu đào tạo. Kết quả phản hồi của sinh viên đối với hoạt động kiểm tra, đánh giá như sau:

Bảng 5. Tổng hợp phản hồi của sinh viên về hoạt động 3

Chỉ tiêu đánh giá	Khoa Toán Tin	Khoa Vật lý &CN	Khoa Hóa học	Khoa KHSS	Khoa Văn XH	BM Lịch sử	Khoa KHMT &TD	Khoa KHCB	Đánh giá chung
Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá bằng nhiều hình thức khác nhau	4.18	4.21	4.63	4.39	3.98	4.15	4.28	4.33	4.27
Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập khuyến khích phát triển các kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên	4.08	4.05	4.45	4.35	3.86	4.07	4.16	4.20	4.15
Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá chính xác, công bằng	4.35	4.35	4.72	4.52	4.11	4.28	4.44	4.40	4.40

Kết quả chung cho thấy, hoạt động kiểm tra đánh giá đã đáp ứng tốt yêu cầu từ phía người học. Tuy nhiên, sinh viên khoa Văn Xã hội chỉ đánh giá trên mức 3 (đáp ứng yêu cầu) đối với tiêu chí “*Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập khuyến khích phát triển các kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên*” và “*Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá bằng nhiều hình thức khác nhau*”. Tiêu chí 2: “*Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập khuyến khích phát triển các kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên*” cũng là tiêu chí có mức đánh giá thấp nhất trong 3 tiêu chí.

V. Kết luận

Kết quả phản hồi cho thấy, với các tiêu chí được xây dựng trong phiếu điều tra khảo sát phần nào đã phản ánh đầy đủ hoạt động giảng dạy của đội ngũ giảng viên của Nhà trường. Thang đo được sử dụng hợp lý đã cho kết quả phản ánh đúng thực tế quá trình giảng dạy của đội ngũ giảng viên. Kết quả phản hồi với 3 nội dung chính cho thấy, đa số sinh viên phản hồi các hoạt động giảng dạy của giảng viên “đáp ứng yêu cầu” và “đáp ứng tốt yêu cầu”.

Nơi nhận:

- BGH (b/cáo);
- Các Khoa/Bộ môn;
- Lưu VT, TTKT&ĐBCLGD.



KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. Lê Chi Chanh Nhiên

**KẾT QUẢ CHI TIẾT
HOẠT ĐỘNG LẤY Ý KIẾN PHẢN HỒI CỦA NGƯỜI HỌC
VỀ HOẠT ĐỘNG GIẢNG DẠY CỦA GIÁNG VIÊN HỌC KỲ II NĂM HỌC 2012-2013**

STT	Đơn vị	Giảng viên	Tổ chức thực hiện	Quá trình giảng dạy	Kiểm tra đánh giá	Đánh giá chung
1.	Khoa Toán Tin	Phạm Thị Minh Thu	4.70	4.62	4.50	4.61
2.		Bùi Việt Hương	4.48	4.41	4.45	4.44
3.		Nguyễn Thu Hằng	4.65	4.47	4.44	4.52
4.		Trần Thị Yến	4.22	3.88	3.81	3.97
5.		Trần Xuân Quý	4.52	4.34	4.39	4.42
6.		Trịnh Thị Linh	4.11	3.81	3.90	3.94
7.		Mai Việt Thuận	4.36	4.07	4.17	4.20
8.		Nguyễn Thị Thanh Huyền	4.42	4.21	4.30	4.31
9.	Khoa Vật lý và Công nghệ	Chu Thị Anh Xuân	4.62	4.12	4.42	4.39
10.		Lê Tiến Hà	4.73	4.27	4.48	4.48
11.		Lê Văn Hoàng	3.63	2.83	3.18	3.21
12.		Nguyễn Thị Hiền	4.46	4.28	4.28	4.34
13.		Nguyễn Văn Đăng	4.76	4.65	4.47	4.62
14.		Nguyễn Văn Hào	4.23	3.69	3.97	3.96
15.	Nguyễn Văn Khiển	4.62	4.52	4.59	4.58	
16.	Khoa Hóa học	Dương Nghĩa Bang	4.92	4.92	4.82	4.89
17.		Ma Chương Liêm	4.93	4.89	4.91	4.91
18.		Nguyễn Đình Vinh	4.85	4.87	4.94	4.89
19.		Nguyễn Thị Hồng Hoa	4.53	4.24	4.33	4.37
20.	Khoa Khoa học sự sống	Đỗ Thị Tuyến	4.16	4.05	4.09	4.10
21.		Hầu Văn Ninh	4.71	4.60	4.64	4.65
22.		Hoàng Lâm	4.57	4.55	4.62	4.58
23.		Hoàng Thị Thu Yến	4.54	4.43	4.50	4.49
24.		Lê Thị Thanh Hương	4.79	4.69	4.55	4.68
25.		Lương Thị Hồng Vân	4.36	4.24	4.25	4.28
26.		Nguyễn Anh Hùng	4.36	4.15	4.27	4.26
27.		Nguyễn Thị Yến	4.70	4.58	4.56	4.61
28.		Nguyễn Vũ Thanh Thanh	4.43	4.35	4.34	4.37
29.		Trịnh Ngọc Hoàng	4.45	4.27	4.28	4.33
30.		Vũ Thanh Sắc	4.33	4.16	4.24	4.25
31.		Vũ Thị Lan	4.54	4.53	4.59	4.55
32.	Khoa Văn Xã hội	Bùi Trọng Tài	3.75	3.74	3.83	3.78
33.		Cao Thị Hồng	4.47	4.39	4.17	4.34
34.		Chu thị Thu Trang	3.89	3.72	3.74	3.78
35.		Dương Thùy Linh	3.96	3.85	3.98	3.93
36.		Nguyễn Thị Hồng Trâm	3.90	3.76	3.72	3.80
37.		Nguyễn Hồng Cúc	3.86	3.72	3.78	3.79
38.		Nguyễn Thị Suối Linh	4.46	4.40	4.41	4.42
39.		Nguyễn Thị Thu Hương	4.43	4.13	4.28	4.28
40.		Phạm Thị Phương Thái	3.99	4.27	4.19	4.15
41.		Phạm Thị Vân Huyền	4.07	3.99	4.03	4.03
42.		Vũ Thị Hạnh	4.42	4.06	4.01	4.16

43.	BM Lịch sử	Đỗ Hằng Nga	4.27	4.15	4.13	4.18
44.		Nguyễn Minh Tuấn	4.29	4.31	4.38	4.33
45.		Lương Thị Hạnh	4.02	3.91	4.10	4.01
46.		Mai Thị Hồng Vĩnh	4.19	4.04	3.98	4.07
47.	Khoa Khoa học Môi trường & Trái đất	Chu Thị Hồng Huyền	4.46	4.08	4.15	4.23
48.		Mai Thị Lan Anh	4.75	4.56	4.56	4.62
49.		Nguyễn Thị Đông	4.54	4.27	4.16	4.32
50.		Nguyễn Thị Nhâm Tuất	4.59	4.51	4.32	4.48
51.		Nguyễn Thị Tuyết	4.70	4.46	4.55	4.57
52.		Nguyễn Thu Hường	4.37	3.83	3.94	4.04
53.		Trần Thị Ngọc Hà	4.59	4.43	4.29	4.44
54.		Văn Hữu Tập	4.42	4.33	4.41	4.39
55.		Vi Thùy Linh	4.37	4.17	4.19	4.24
56.	Khoa Khoa học Cơ bản	Cao Thị Phương Nhung	4.19	4.02	4.18	4.13
57.		Hà Thị Thu Hiếu	4.70	4.58	4.65	4.64
58.		Mai Công Trình	4.43	4.33	4.31	4.36
59.		Nguyễn Minh Nguyệt	4.45	4.40	4.38	4.41
60.		Nguyễn Thị Quế	4.38	4.16	4.30	4.28
61.		Phan Thị Hòa	4.15	3.97	4.17	4.10
62.		Phùng Thị Hải Vân	4.03	3.87	3.89	3.93
63.		Trịnh Thị Nghĩa	4.77	4.64	4.60	4.67
64.		Nguyễn Thị Tuyết CB	4.47	4.48	4.46	4.47

